

CHUYÊN MỤC

TRIẾT HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC - LUẬT HỌC

TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CƠ SỞ ĐỂ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

HÀ LY

Triết học giáo dục là cơ sở để xây dựng hay đổi mới giáo dục của một quốc gia. Bài viết điểm lại lịch sử hình thành phát triển của giáo dục học và triết học giáo dục trên thế giới. Qua đó rút ra được những vấn đề đáng suy ngẫm trong quá trình thực hiện chủ trương đổi mới toàn diện và căn bản giáo dục Việt Nam.

1. GIÁO DỤC VÀ TRIẾT HỌC GIÁO DỤC

Giáo dục là hiện tượng đặc thù chỉ có ở xã hội loài người (Karl Marx). Giáo dục tác động rất lớn đối với phát triển xã hội. Khi bàn về giáo dục, Hồ Chí Minh thường nhắc đến câu nói nổi tiếng của cổ nhân: “Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người”. Tổng thống Nam Phi Nelson Mandela cũng từng đánh giá: “Giáo dục là sức mạnh phi thường, nó có thể thay đổi cả thế giới này” (Education is the most powerful weapon which you can use to change the World).

Rõ ràng, một nền giáo dục chậm tiến hoặc lạc hậu không thể song hành cùng với một xã hội phát triển, hiện

đại.

Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm đến giáo dục, xem giáo dục là quốc sách. Do đó, giáo dục Việt Nam đã có bước tiến dài cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Tuy nhiên, giáo dục Việt Nam hiện nay chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Yêu cầu đổi mới, cải cách giáo dục ngày càng cấp thiết. Muốn đổi mới giáo dục trước hết phải trả lời những câu hỏi do bản thân giáo dục đặt ra. Chẳng hạn như học cái gì? Dạy cái gì? Dạy những cái nhà trường cần dạy hay dạy những cái mà người học cần học? Học để làm gì (mục đích) và học như thế nào (phương pháp)?...

Đó là những câu hỏi được đặt ra không phải bây giờ mà ngay từ buổi bình minh của giáo dục học. Tuy nhiên, bản thân khoa học giáo dục lẫn

khoa học thực nghiệm cũng đành thúc thủ nhường lại nhiệm vụ vẻ vang này cho ngành khoa học mới, giáp ranh giữa triết học và giáo dục học, gọi là “Triết học giáo dục” (Philosophy of Education hoặc Educational Philosophy). Thực ra, triết học và giáo dục vốn gắn bó với nhau ngay từ thời cổ đại. Các nhà triết học Hy Lạp cổ đại như Socrate, Platon, Aristotle... đã vận dụng quan điểm triết học của mình để lý giải những vấn đề về giáo dục. Cũng vậy, các nhà triết học phương Đông như Khổng Tử, Lão Tử, Mặc Tử... đã lý giải những vấn đề giáo dục theo quan điểm triết học của họ. Nhưng rồi sau đó, khi giáo dục trở thành môn học độc lập thì nó đã tự chia tay với triết học. Đến đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của xã hội hiện đại, nếu giáo dục không nói lại “tình xưa nghĩa cũ” với triết học thì bản thân nó chẳng khác gì con thuyền không có phương hướng. Vì vậy, môn Triết học giáo dục đã ra đời và nhanh chóng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới.

Theo từ điển mở *Wikipedia*, Triết học giáo dục là suy tư triết học về những vấn đề giáo dục bằng phương pháp, ngôn ngữ triết học.

Gần đây, ở Việt Nam cũng đã xuất hiện một vài công trình nghiên cứu nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục. Chẳng hạn các công trình nghiên cứu: *Triết lý giáo dục Việt Nam* (Đề tài khoa học cấp Bộ, Phạm Minh Hạc chủ nhiệm, 2012); *Triết học giáo dục Việt Nam* (Thái Duy Tuyên, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2007); *Cơ*

sở triết học của tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh (Đề tài khoa học cấp Bộ, Thái Duy Tuyên chủ nhiệm)... Những công trình trên đã làm rõ tính cấp thiết của môn khoa học giáp ranh này, nhưng chưa đề cập và chưa làm rõ ảnh hưởng của triết học giáo dục đối với giáo dục học. Dấu sao đó cũng là những viên gạch đầu tiên để xây nên ngôi nhà triết học giáo dục của Việt Nam.

Mới nhìn qua, đã có thể thấy các công trình này có tên gọi khác nhau. “Triết học giáo dục” hay “Triết lý giáo dục”? Gọi như thế nào cũng có lý của nó, nhưng cần lưu ý rằng “Triết học giáo dục” là bộ môn khoa học ra đời từ đầu thế kỷ XIX, đã có tên gọi thống nhất.

Có lẽ trước khi bàn về “Triết học giáo dục Việt Nam” nên xác định tên gọi của bộ môn khoa học này là “Triết học giáo dục”. Lý do như sau:

+ *Khái niệm “Triết học” 哲学 và “Triết lý” 哲理.*

“Triết học”, “Triết lý” đều là từ Hán - Việt. Về chữ “triết” 哲

Theo *Tự điển hình tượng* 形象字典 (Trung Quốc) chữ “triết” có quá trình hình thành, diễn biến qua nhiều thời kỳ và định hình ở chữ viết ngày nay: 哲.

Chữ “triết” 哲 được cấu tạo theo thể tượng thanh và tượng hình. Âm “triết” là đọc theo chữ “triết” 折, hình tượng tay cầm rìu chia sự vật làm đôi (triết trung là chia sự vật làm đôi và đứng ở giữa), còn bộ bên cạnh được thay đổi, đầu tiên là bộ “thiệt” 舌, đến bộ “ tâm” 心, bộ “nhật” 日 và cuối cùng là bộ “khẩu” 口. “Khẩu”, “thiệt” là chỉ về phát

ngôn, phân tích; “tâm” chỉ tâm trạng, tâm lý, phân tích sao cho hợp tình, hợp lý; “nhật” chỉ sự minh bạch, sáng suốt như ban ngày.

+ Chữ “triết” 哲 vừa là động từ vừa là danh từ.

- Động từ. Theo *Thuyết văn giải tự* 说文解字: “Triết” có nghĩa là hiểu biết (triết, tri dã 哲知也), ví dụ như triết tư, triết học, triết lý, triết ngôn.

- Danh từ. Theo *Nhĩ nhĩ*: “triết” là trí tuệ (triết, trí tuệ dã 哲智慧也), ví dụ như đại triết, cổ triết, tiên triết.

Tóm lại: Triết học là thuật ngữ được người Nhật tên là Anaximé dịch từ tiếng Anh “Philosophy”, sau đó được Tôn Trung Sơn sử dụng vào ngôn ngữ Trung Quốc, dần dần về sau được sử dụng rộng rãi. Như vậy là thuật ngữ Philosophy từ thời Platon ở Hy Lạp cổ đại được dịch là “triết học” mới xuất hiện ở đầu thế kỷ XX.

Triết lý: thuật ngữ “triết lý” xuất hiện đầu tiên trong sách *Luận hành*, thiên *Loạn Long* của Vương Sung đời nhà Đông Hán. Thuật ngữ “triết lý” đã xuất hiện trong văn tự cổ của Trung Quốc cách đây hai nghìn năm. “Triết lý” là đạo lý, là lý luận có tính triết học.

2. LỊCH SỬ TRIẾT HỌC GIÁO DỤC THẾ GIỚI

Tác phẩm *Die Padagogik ALS System* (1848) của Johann Karl Friedrich Rosenkranz (1805 - 1879), được nữ giáo dục gia người Mỹ A.C Brackett dịch ra tiếng Anh năm 1886 và đổi tên sách là *Triết học giáo dục* (Philosophy of education). Khái niệm “triết học giáo dục” bắt đầu từ đó.

Sách của Rosenkranz dựa trên quan điểm triết học của Hegel, được chia làm bốn phần: phần Lời tựa nói về “tính chất và nhiệm vụ của giáo dục và khoa học”; phần 1: Khái niệm chung về giáo dục; phần 2: Yếu tố đặc thù của giáo dục; phần 3: Hệ thống tư tưởng giáo dục cụ thể.

Triết học giáo dục phương Tây có ảnh hưởng sớm nhất ở Trung Quốc có lẽ bắt đầu từ J. Dewey, nhà triết học theo chủ nghĩa thực dụng (Pragmatism) nổi tiếng của Mỹ. Năm 1919 Dewey đến Trung Quốc để diễn thuyết nhiều buổi về triết học giáo dục. Bài giảng của Dewey sau đó đã được in thành sách xuất bản với tên gọi là *Triết học giáo dục*. Vấn đề trung tâm trong quan điểm triết học giáo dục của Dewey là: “Giáo dục không phải là sự chuẩn bị cho cuộc sống mà chính là bản thân cuộc sống” (Education is not a preparation for life, but it is life itself). Cuộc sống luôn thay đổi, cho nên không có chân lý nào có thể dùng suốt đời được. Sau này Dewey lại từ Trung Quốc sang Nhật Bản để tiếp tục thuyết trình về triết học giáo dục của ông.

Ảnh hưởng của Dewey đối với xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ rất lớn. Môn triết học giáo dục được xem trọng, nhiều công trình nghiên cứu về triết học giáo dục của các tác giả Trung Quốc ra đời. Ví dụ như *Triết học giáo dục* (1925) của Trương Hoài, *Triết học giáo dục* (1933) của Khương Lục, *Triết học giáo dục* (1935) của Ngô Tuất Thắng... Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949),

triết học giáo dục bị loại bỏ và bị xem là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Mãi đến những năm 1980, sau thời kỳ “Đại cách mạng văn hóa”, triết học giáo dục mới được phục hồi. Năm 1982 Trần Hữu Tuấn chủ biên *Triết học giáo dục phương Tây hiện đại*; năm 1985 Hoàng Tề viết *Triết học giáo dục sơ cổ*, *Triết học giáo dục*; Phó Thống Tiên, Trương Văn Úc là tác giả *Triết học giáo dục* (1986); Tang Tân Dân với *Triết học giáo dục đương đại* (1988), Chu Hạo Ba bàn về *Triết học giáo dục* (2000)... Như vậy có thể thấy rằng khái niệm “triết lý” là khái niệm bản địa, truyền thống ở Trung Quốc, nhưng ngay người Trung Quốc cũng không sử dụng khái niệm “triết lý giáo dục”. Lý do là vì “Triết học giáo dục” là môn khoa học, đã được định hình, phổ biến ở phương Tây và nhiều nước trên thế giới.

Giáo dục Việt Nam không thể tách rời khỏi giáo dục thế giới cho nên triết học giáo dục Việt Nam cũng cần phê phán tiếp thu những yếu tố hợp lý của triết học giáo dục thế giới, trước hết là từ tên gọi.

Nhìn lại hai thế kỷ qua, có thể nói các trào lưu triết học phương Tây mọc lên như nấm sau cơn mưa. Có thể kể ra một vài trào lưu chủ yếu được áp dụng trong triết học giáo dục như sau:

- Chủ nghĩa thực dụng (Pragmatism)
- Chủ nghĩa cấu trúc (Structuralism)
- Chủ nghĩa hiện sinh (Existentialism)
- Hiện tượng học (Phenomenology)

...

Các trào lưu triết học giáo dục hiện đại đề cập nhiều vấn đề về giáo dục.

Tuy nhiên có ba vấn đề quan trọng mà bất cứ trường phái triết học nào cũng không thể không quan tâm, đó là bản chất, mục đích và giá trị của giáo dục. Chủ nghĩa thực dụng là một trong những trào lưu triết học ảnh hưởng nhiều nhất ở Mỹ và Âu châu, do đó nếu như làm rõ quan điểm triết học giáo dục của chủ nghĩa thực dụng, đồng thời qua đó đối chiếu với các trào lưu triết học khác thì có thể có cái nhìn sơ bộ, tổng quan về triết học giáo dục phương Tây thời kỳ hiện đại.

Chủ nghĩa thực dụng ra đời ở Mỹ vào năm 1870. Những đại biểu chủ yếu là Charles Sanders Peirce (1839 - 1914), William James (1842 - 1910) và John Dewey (1859 - 1952). Nếu Peirce và James đặt cơ sở lý luận, thì Dewey là người xây dựng toàn bộ ngôi nhà của chủ nghĩa thực dụng. Chủ nghĩa thực dụng có nguồn gốc xa xưa từ triết học “Sophiste” thời cổ đại Hy Lạp, nhưng trực tiếp nhất là chịu ảnh hưởng của Berkeley, Hume, Auguste Comte và Schopenhauer. Chủ nghĩa thực dụng trong tiếng Anh là Pragmatism, Pragma có nghĩa là “hành động”. Về triết học, đa nguyên luận và tương đối luận là bản thể luận và nhận thức luận của chủ nghĩa thực dụng. John Dewey là nhà triết học đồng thời cũng là nhà triết học giáo dục nổi tiếng của Mỹ (Ông đã viết 36 cuốn sách, hơn 300 bài nghiên cứu về các lĩnh vực như triết học, triết học giáo dục, văn hóa, xã hội...).

Nước Mỹ không bị ràng buộc bởi xã hội phong kiến cho nên khẩu hiệu “dân

chủ”, “công bằng”... được hô to hơn bất cứ nơi nào khác trên thế giới. Đó cũng là một trong những đặc điểm của triết học giáo dục của Dewey cũng như của trường phái thực dụng (John Dewey, 2008). Khi bàn về quan hệ “thầy-trò”, bàn về vấn đề trung tâm của giáo dục, Dewey cho rằng trung tâm của giáo dục không phải là “thầy” mà là “trò”. Thầy là bạn của trò, thầy xưng hô với trò là “I” (tôi) và “You” (bạn) chứ không phải “I” và “thing”. Thầy không xem trò như đồ vật, như cái thùng muốn nhét cái gì thì cứ nhét. Chủ trương này tuy cũng có tính hợp lý, nhưng trong thực tế đã xảy ra tình trạng thầy lơ là trách nhiệm của mình, còn trò giảm lòng tin vào thầy. Nhiều trường phái triết học giáo dục khác đã phản đối chủ nghĩa thực dụng ở điều này.

Chủ nghĩa thực dụng xem hành động (pragma) có tầm quan trọng bậc nhất cho nên quan niệm rằng học tập là để hành động, để “làm”, do đó học và làm là thống nhất. Dewey cho rằng: “Giáo dục là cuộc sống”, “Nhà trường là xã hội”, cuộc sống và xã hội luôn thay đổi cho nên không thể có “chân lý” hay “tri thức” nào nhất thời mà có thể sử dụng suốt đời được. Cho nên “giáo dục là một quá trình”, “giáo dục là sự sinh trưởng”.

Dewey chú trọng đến hiệu quả, đến thực tiễn, khuyến khích tính năng động, sáng tạo, tránh tình trạng xơ cứng giáo điều. Tuy nhiên chủ nghĩa thực dụng có phần xem nhẹ trang bị cho người học tri thức, văn hóa mà nhân loại đã dày công tích lũy. Do đó

chủ nghĩa yếu tố đã lên tiếng phản đối chủ trương này và cho rằng muốn học gì thì học nhưng không thể không học những tri thức văn hóa cơ bản mà nhân loại đã tích lũy.

Dewey còn cho rằng giáo dục không có mục đích, nói đúng hơn là giáo dục không có mục đích bên ngoài mà chỉ có mục đích tự thân, bên trong. Nhiều trường phái triết học giáo dục khác cũng lên tiếng cho rằng nhiệm vụ chủ yếu của giáo dục là giáo dục năng lực tư duy lý tính cho người học chứ không phải đào tạo ra những sản phẩm nhằm đáp ứng cho nhu cầu bên ngoài nào đó. Chẳng hạn như giáo dục ở chế độ phong kiến của các nước Đông Á trước đây. Nhiều học giả Trung Quốc cho rằng thực ra giáo dục thời phong kiến không phải đào tạo ra nhân tài mà chỉ đào tạo ra nô tài cho giai cấp thống trị.

Triết học giáo dục của chủ nghĩa thực dụng đến những năm 1930 đã có những biểu hiện suy thoái.

Chủ nghĩa hiện sinh ra đời ở Đức vào những năm 1920. Sau Chiến tranh thế giới thứ II, chủ nghĩa hiện sinh ảnh hưởng nhiều ở Pháp và các nước Tây Âu. Những năm 1960 ảnh hưởng nhiều ở Mỹ. Những nhà triết học tiêu biểu của chủ nghĩa hiện sinh như Martin Heidegger (1889 - 1976), Karl Jaspers (1883 - 1969), Jean Paul Sartre (1905 - 1980), Rollo May (1909 - 1994)... cho rằng đối tượng của triết học là con người và ngoài con người ra không có gì đáng bàn. Con người và cuộc sống không thể dùng lý tính

để nhận thức được, cho nên triết học của chủ nghĩa hiện sinh là triết học phi lý tính (Irrationalism)⁽¹⁾. Chủ nghĩa hiện sinh không quan niệm bản tính là cái vốn có như Mạnh Tử, Tuân Tử, mà cho rằng “tồn tại có trước bản chất” (L`existence precede l`essence). Con người trong quá trình tồn tại tự mình tạo ra bản chất của mình. Do đó về giáo dục, chủ nghĩa hiện sinh kêu gọi cần phải quan tâm đến tính ưu việt của cá nhân, cá tính.

Trên đây chỉ là những nét chủ yếu của triết học giáo dục phương Tây thời kỳ hiện đại. Trong đó có những nhân tố hợp lý cũng như chưa hợp lý. Dẫu sao đó cũng là thành quả tư tưởng triết học giáo dục của nhân loại, mà triết học giáo dục Việt Nam cần phải kế thừa và suy ngẫm.

Ở Việt Nam, từ thời xưa, các chế độ phong kiến đều rất xem trọng giáo dục. Khoa thi đầu tiên kén chọn nhân tài trong lịch sử chế độ khoa cử Việt Nam

đã được tổ chức vào năm Ất Mão 1075 dưới triều vua Lý Nhân Tông, sau khi nhà Lý mở ra một nền độc lập lâu dài cho dân tộc. Chế độ thi cử kéo dài mãi đến tận năm Kỷ Mùi 1919 dưới triều nhà Nguyễn⁽²⁾. Truyền thống xem trọng giáo dục và nhân tài của dân tộc được thể hiện ở những tấm bia đề danh tiến sĩ ở Văn miếu Quốc Tử Giám⁽³⁾. Truyền thống xem trọng giáo dục cũng được kết tinh trong bài văn bia *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* của Thân Nhân Trung soạn dưới triều vua Lê Thánh Tông. Triết học giáo dục Việt Nam hiện nay có cơ sở vững chắc là truyền thống xem trọng giáo dục của dân tộc, đồng thời có thể tiếp thu những nhân tố hợp lý của triết học giáo dục thế giới. Và việc xây dựng triết học giáo dục ở Việt Nam là cơ sở tất yếu để đổi mới giáo dục, để giáo dục Việt Nam phát triển theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới. □

CHÚ THÍCH

(1) “Phi lý tính” (Irrationalism) chứ không phải “Phản lý tính” (Anti-rationality).

(2) Chế độ khoa cử của Trung Quốc bắt đầu từ năm 609 và kết thúc năm 1906. Chế độ khoa cử Triều Tiên bắt đầu từ năm 958 và kết thúc năm 1894. Nhật Bản chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa của Trung Quốc nhưng Nhật Bản không có chế độ khoa cử và chế độ hoạn quan như ở Trung Quốc.

(3) Bia đề danh tiến sĩ từ thời Lê sơ đến thời Mạc (1442 - 1779) gồm 82 tấm được UNESCO công nhận ngày 9/3/2010.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. John Dewey (Phạm Anh Tuấn dịch). 2008. *Dân chủ và giáo dục*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
2. <http://www.tienphong.vn/giao-duc/triet-ly-giao-duc-viet-nam-hoc-de-lam-quan-762230.tpo>.